**PHỤ LỤC 2: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

**PR611435- Sửa chữa, cải tạo phòng tâm lý học đường**

1. **Tiêu chí bắt buộc (Loại trừ nếu không đáp ứng):**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT.** | **Tiêu chí bắt buộc** |
| 1 | Nhà thầu phải có cơ sở kinh doanh/chính thức hợp pháp, được đăng ký kinh doanh và nộp thuế phù hợp và có chứng chỉ hành nghề theo quy định.  *Căn cứ đánh giá: Nhà thầu nộp 01 bản scan bản gốc/hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề xây dựng dân dụng do cơ quan có thẩm quyền cấp.* |
| 2 | Tuân thủ chính sách của SC (Quy tắc ứng xử; Chính sách bảo vệ trẻ em; Chính sách gian lận, hối lộ và tham nhũng, Chính sách chống quấy rối, Chính sách nô lệ hiện đại, Chính sách bảo vệ dữ liệu, Chính sách bảo vệ khỏi lạm dụng và bóc lột tình dục).  *Căn cứ đánh giá: Nhà thầu cam kết tại Phụ lục 1- RFQ* |
| 3 | Nhà thầu xác nhận họ không phải là bên bị cấm theo luật trừng phạt hiện hành hoặc luật chống khủng bố hoặc cung cấp hàng hóa bị Hoa Kỳ hoặc Liên minh Châu Âu trừng phạt và chấp nhận rằng SCI sẽ tiến hành kiểm tra độc lập để xác thực điều này.  *Căn cứ đánh giá: Nhà thầu cam kết tại Phụ lục 1- RFQ* |
| 4 | Nhà thầu đang hoạt động, không ở trong tình trạng bị đình chỉ hoặc tạm dừng.  *Căn cứ đánh giá: Kiểm tra thông qua thông tin MST doanh nghiệp* |
| 5 | Nhà thầu phải đạt được các tiêu chí kiểm tra thực địa do SCI thực hiện (thẩm định) bao gồm:   * Thăm quan trụ sở làm việc chính. * Thăm quan các công trình/dự án đã hoàn thiện của nhà thầu cho khách hàng khác   Áp dụng cho Nhà thầu được lựa chọn.  Trong trường hợp các nhà thầu này nằm trong danh sách nhà thầu đã được ký Hợp đồng nguyên tắc với đối tác của SC và đã triển khai công trình xây dựng do SC hỗ trợ thì bước này có thể được bỏ qua.  *Căn cứ đánh giá: Biên bản kiểm tra của SC hoặc Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.* |

1. **Tiêu chí năng lực: Tối đa 50%**

| **STT** | **Tiêu chí năng lực** | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Kinh nghiệm của nhà thầu**  Số năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thi công công trình xây dựng dân dụng tính đến thời điểm mở hồ sơ đề xuất.  Đánh giá:  - Trên 3 năm trở lên: 10%  - Từ 1- 3 năm: 5%  - Ít hơn 1 năm: 0%  *Căn cứ đánh giá : Căn cứ vào đăng ký kinh doanh để xác định số năm kinh nghiệm của Nhà thầu (chi tiết tính đến tháng thành lập)* | **10%** |
| 2 | **Năng lực tài chính**  Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 hoặc 2024 của nhà thầu phải có lãi và giá trị tài sản ròng phải dương:  - Kết quả kinh doanh có lãi: 5%  - Giá trị tài sản ròng dương: 5%  - Còn lại: 0%  *Căn cứ đánh giá: Báo cáo tài chính nộp cơ quan Thuế* | **10%** |
| 3 | **Hợp đồng và hóa đơn tương tự**  Ít nhất 01 Hợp đồng tương tự về thi công công trình dân dụng có giá trị tối thiểu 200 triệu đồng tính từ năm 2022 trở lại đây kèm theo biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng hoặc Hóa đơn GTGT phát hành cho công trình  Đánh giá:   * Từ 02 Hợp đồng và BB nghiệm thu/ hóa đơn kèm theo trở lên: 10% * Có 01 Hợp đồng và BB nghiệm thu/ hóa đơn kèm theo: 5% * Còn lại: 0%   *Căn cứ đánh giá: Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau để chứng minh sự đáp ứng:*  *+ Hợp đồng xây lắp (bản scan từ bản gốc hoặc từ bản phô tô công chứng) và*  *+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành / thanh lý hoặc Hóa đơn cho chủ đầu tư (bản scan từ bản gốc hoặc từ bản phô tô công chứng)* | **10%** |
| 4 | **Máy móc/ thiết bị**  Nhà thầu phải cung cấp danh sách máy móc thiết bị thi công tối thiểu như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Loại thiết bị | Số lượng | | 1 | Máy trộn vữa, Bê tông | 1 | | 2 | Máy khoan bê tông | 1 | | 3 | Máy cắt gạch đá 1,7kW | 1 | | 4 | Máy hàn sắt | 1 | | 5 | Máy đầm bê tông | 1 |   Mỗi máy móc/thiết bị tương đương 1%  *Căn cứ đánh giá: Để chứng minh được sở hữu:*  *+ Đối với các loại thiết bị nhà thầu sở hữu: Phải có Hoá đơn mua bán hàng (Hóa đơn tài chính).*  *+ Thiết bị đi thuê: phải có hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị với bên cho thuê.* | **5%** |
| 5 | **Cán bộ kỹ thuật**  01 kỹ sư xây dựng có bằng Đại học về chuyên ngành xây dựng và tối thiểu 3 năm kinh nghiệm liên quan   * Đạt yêu cầu: 10% * Không đạt yêu cầu: 0%   *Căn cứ đánh giá: Dựa trên bằng cấp và Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự đề xuất.* | **10%** |
| 6 | **Kế hoạch thực hiện:**  Nhà thầu chuẩn bị Bảng tiến độ tổ chức thi công chi tiết thể hiện các công việc cụ thể và có thời gian thi công xây dựng hoàn thiện và bàn giao công trình không vượt quá 22 ngày(Tiến độ thi công thể hiện chi tiết, hợp lý các công việc chủ yếu cho từng hạng mục)  *Căn cứ đánh giá: Thời gian thi công:*  *- Từ 22 ngày trở xuống: 5%.*  *- Trên 22 ngày: 0%* | **5%** |

1. **Tiêu chí thương mại:** **Tối đa** **40%**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **No.** | **Tiêu chí thương mại** | **Điểm tối đa** |
| 1 | **Bảng chào giá của nhà thầu**   * Có mức báo giá cạnh tranh nhất: 38%, * Các nhà thầu khác tính điểm theo tỷ lệ   *Căn cứ đánh giá: vào bảng chào giá của Nhà thầu* | **38%** |
| 2 | **Điều khoản thanh toán:**   * Đáp ứng điều khoản thanh toán đề xuất của SC: 2% * Không đáp ứng: 0%   *Căn cứ đánh giá: Điều khoản thanh toán đề xuất trong RFQ* | **2%** |

***Lưu ý: Điều khoản thanh toán đề xuất của SC***

* Thanh toán 100% chi phí cho nhà thầu trong vòng 20 ngày sau khi nhận được đầy đủ chứng từ cho việc thanh quyết toán
* Bảo lãnh bảo hành: 5% trị giá gói thầu và có thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

1. **Tiêu chí bền vững: 10%**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nhà thầu cung cấp các bằng chứng về hỗ trợ xã hội (các chương trình từ thiện, hoạt động bảo vệ môi trường….)  *Căn cứ đánh giá: Dựa trên chứng chỉ, hình ảnh, văn bản... có thể hiện rõ tên Công ty/ logo của Công ty.*   * *Có cung cấp bằng chứng: 10%* * *Không cung cấp bằng chứng: 0%* | **10%** |